

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17-3-2021

“V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phú Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Huê

2. Bà Nguyễn Thị Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thu Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Ngày 17/3/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bế Thị H, sinh năm 1985. Có mặt

Trú tại: Tổ 4, phường HC, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Minh S, sinh năm 1984. Có mặt

Trú tại: Thôn T, xã V, huyện TY, tỉnh Yên Bái

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bế Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Minh S trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hải, huyện Quảng Uyên (nay là xã Ngọc Động, huyện Quảng Hoà), tỉnh Cao Bằng vào ngày 21 tháng 3 năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh Sơn thường xuyên đánh đập, chửi bới chị. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 3 năm 2020, anh chị sống ly thân với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện TY giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Minh S.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Trà M, sinh ngày 13/10/2009 và Phạm Minh A, sinh ngày 27/4/2019. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh Sơn cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/cháu/tháng, tổng cộng 4.000.000 đồng

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Minh S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Bé Thị H trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mắng chửi lẫn nhau. Tuy nhiên anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Trà M, sinh ngày 13/10/2009 và Phạm Minh A, sinh ngày 27/4/2019. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đề nghị giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/cháu/tháng, tổng cộng 4.000.000 đồng

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa*, anh Sơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Phạm Trà M và Phạm Minh A, không yêu cầu chị Hoa phải cấp dưỡng. Anh trình bày thu nhập hàng tháng của anh khoảng 20.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu. Trường hợp Tòa án giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục thì anh vẫn đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/cháu /tháng, tổng cộng 4.000.000 đồng

Tại đơn nguyện vọng của cháu Phạm Trà M, cháu có nguyện vọng được ở với chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của đương

sự được đảm bảo tuy nhiên anh Phạm Minh S không đến Tòa án để hoà giải đồng thời chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng* :

Anh Phạm Minh S có đăng ký hộ khẩu tại thôn T, xã V, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Bé Thị H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bé Thị H và anh Phạm Minh S có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hải, huyện Quảng Uyên (nay là xã Ngọc Động, huyện Quảng Hòa), tỉnh Cao Bằng vào ngày 21 tháng 3 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh S có tính gia trưởng nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 3 năm 2020, anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Mặc dù anh S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và muốn được đoàn tụ nhưng anh S không đến Tòa án để hòa giải, bên cạnh đó chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Điều đó thể hiện vợ chồng không muốn hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do đó có căn cứ cho chị Bé Thị H được ly hôn anh Phạm Minh S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Bé Thị H và anh Phạm Minh S có hai con chung là Phạm Trà M, sinh ngày 13/10/2009 và Phạm Minh A, sinh ngày 27/4/2019. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Tại bản tự khai của anh S cũng thể hiện để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, tuy nhiên tại phiên tòa anh S thay đổi ý kiến, anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Xét thấy, cháu M có nguyện vọng được ở cùng chị H còn cháu A vẫn còn nhỏ, cả hai cháu hiện đang sinh sống ổn định cùng chị H. Chị H có công việc, chỗ ở ổn định còn anh S làm nghề lái xe, thường xuyên vắng nhà, chỗ ở không cố định nay ở chỗ này, mai ở

chỗ khác. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và lợi ích, đảm bảo sự ổn định cuộc sống của các cháu, khi ly hôn cần giao cả hai cháu Phạm Trà M và Phạm Minh A cho chị Bé Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác là phù hợp. Anh Phạm Minh S cấp dưỡng nuôi cháu M và cháu A 2.000.000 đồng/cháu/tháng, tổng cộng 4.000.000 đồng, kể từ tháng 3 năm 2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Bé Thị H và anh Phạm Minh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Bé Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh Phạm Minh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Thị H được ly hôn anh Phạm Minh S.

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Phạm Trà M, sinh ngày 13/10/2009 và Phạm Minh A, sinh ngày 27/4/2019 cho chị Bé Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Phạm Minh S cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng/cháu/tháng, tổng cộng 4.000.000 (bốn triệu) đồng, kể từ tháng 3 năm 2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày chị Bé Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Phạm Minh S chưa trả đủ thì còn phải chịu lãi suất theo quy định*

*tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

3. Về án phí: Chị Bế Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2017/0007957 ngày 10/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Anh Phạm Minh S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng. Anh Sơn chưa nộp.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã Ngọc Động, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phú Duy**